TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST
Ngày: 23-6-2020
V/v *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Như

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền: Bà Hoàng Thị Huyến.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1962. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 34/94 Ô 3, khu phố Hải Hòa, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Bùi Ngọc A, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 38/8 Ô 3, khu phố Hải Hòa, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Vào ngày 24/8/2010 âm lịch (tức ngày 29-9-2010 dương lịch) bà H có cho vợ chồng ông Bùi Ngọc A và bà Nguyễn Thị Kim L vay số tiền là 28.000.000đ. Khi vay các bên có lập giấy mượn tiền bằng giấy tay đề ngày 29-9-2010, vợ chồng ông A, bà L đã cùng kí tên trên giấy mượn tiền, thời hạn vay tiền là 1 tháng, mục đích vay là mua thức ăn dự trữ cho ghe đi biển đánh bắt cá; bà H đã giao đủ số tiền 28.000.000đ cho ông A, bà L tại nhà của ông A, bà L, việc vay và giao tiền không ai chứng kiến. Từ lúc hết hạn trả nợ đến nay bà H đã đòi vợ chồng ông A, bà L nhiều lần nhưng ông A, bà L vẫn không trả số nợ gốc cho bà H. Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu ông A và bà L trả tổng số nợ là 28.000.000đ cho bà H tuy nhiên do

ông A và bà L không thừa nhận số nợ còn thiếu, kết luận giám định của phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh-Tổng cục cảnh sát cũng không kết luận được chữ ký của ông Bùi Ngọc A trong giấy mượn tiền ngày 29-9-2019 với chữ ký của ông A trên tài liệu mẫu so sánh là có phải do cùng 01 người ký ra hay không nên nay bà H chỉ yêu cầu bà L phải trả cho bà H số tiền là 14.000.000đ tương ứng với phần nghĩa vụ mà bà L phải trả cho bà H trong khoản vay này.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Trước đây bà L và ông A vay bà H nhiều lần. Riêng số tiền 28.000.000đ trên giấy mượn tiền đề ngày 29-9-2010 bà L đã trả hết cho bà H; bà L trả tiền tại nhà bà H, việc trả tiền không ghi giấy biên nhận, không có người làm chứng, bà L cũng không lấy lại giấy mượn tiền gốc. Nay bà L không đồng ý trả cho bà H số tiền 14.000.000đ như yêu cầu của bà H vì bà L cho rằng đã trả hết số nợ trên cho bà H.

Về phía bị đơn: Ông Bùi Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa tuy nhiên ông A đều vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Bà Nguyễn Thị Kim L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa ngày hôm nay tuy nhiên bà L vắng mặt không có lý do.

Ngày 11-01-2018 phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh-Tổng cục cảnh sát ban hành kết luận giám định số 92/C54B kết luận được chữ ký của bà Nguyễn Thị L trong giấy mượn tiền đề ngày 29-9-2010 và chữ viết đứng tên bà Nguyễn Thị L trong tài liệu mẫu so sánh là chữ ký (viết) của cùng một người. Tuy nhiên không kết luận được chữ ký của ông Bùi Ngọc A trong giấy mượn tiền ngày 29-9-2019 với chữ ký của ông A trên tài liệu mẫu so sánh là có phải do cùng 01 người ký ra hay không

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Bùi Ngọc A chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án còn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa; Bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt tại phiên tòa ngày hôm nay. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Ngọc A và bà Nguyễn Thị Kim L.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H; buộc bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền nợ gốc còn thiếu là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng).

Án phí: Do yêu cầu của bà Trần Thị H được chấp nhận toàn bộ nên bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ trA chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật trA chấp giữa các đương sự là trA chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ 38/8 Ô 3, khu phố Hải Hòa, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu do đó, theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Ngọc A đều vắng mặt. Tại phiên tòa ngày hôm nay ông Bùi Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Bà Nguyễn Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày hôm nay tuy nhiên bà H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Vào ngày 24/8/2010 âm lịch (tức ngày 29-9-2010 dương lịch) bà Trần Thị H và vợ chồng ông Bùi Ngọc A, bà Nguyễn Thị Kim L có lập giấy mượn tiền bằng giấy tay với số tiền mượn là 28.000.000đ, thời hạn là 1 tháng, mục đích vay là mua thức ăn dự trữ cho ghe đi biển đánh bắt cá. Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu ông A và bà L trả tổng số nợ gốc là 28.000.000đ, tuy nhiên nay bà H chỉ yêu cầu bà L phải trả cho bà H số tiền là 14.000.000đ tương ứng với phần nghĩa vụ mà bà L phải trả cho bà H trong khoản vay này.

Tại kết luận giám định của phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh-Tổng cục cảnh sát ngày 11-01-2018 kết luận được chữ ký của bà Nguyễn Thị L trong giấy mượn tiền đề ngày 29-9-2010 và chữ viết đứng tên bà Nguyễn Thị L trong tài liệu mẫu so sánh là chữ ký (viết) của cùng một người. Như vậy qua xem xét lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng việc vay mượn tiền giữa bà H và bà L là có thật với tổng số tiền trong giấy mượn tiền đề ngày 29-9-2010 là 28.000.000đ. Do không giám định được chữ kí trong giấy mượn tiền có phải của ông A hay không nên không có căn cứ cho rằng ông A cùng với bà L vay số tiền 28.000.000đ của bà H nên cần buộc bà L phải trả số nợ đã vay cho bà H.

Tại biên bản làm việc và tại phiên tòa bà H chỉ yêu cầu bà L phải trả số nợ gốc là 14.000.000đ tương ứng với phần nghĩa vụ mà bà L phải trả cho bà H trong số nợ này, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với các quy định của pháp luật nên

được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bà L phải trả cho bà H số nợ gốc là 14.000.000đ.

Về số tiền nợ gốc 14.000.000đ mà bà H yêu cầu ông Bùi Ngọc A trả nợ nay bà H rút lại yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần đình chỉ yêu cầu này của bà H, giành quyền khởi kiện cho bà H trong vụ án khác nếu bà H có yêu cầu.

- Về lãi suất: Bà Trần Thị H không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Trần Thị H được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị Kim L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 14.000.000đ x 5% = 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải trả cho bà Trần Thị H số tiền nợ gốc là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với số tiền nợ gốc 14.000.000đ mà bà H yêu cầu ông Bùi Ngọc A phải trả; giành quyền khởi kiện cho bà Trần Thị H đối với số nợ này trong vụ án khác nếu bà H có yêu cầu.

2. Về án phí*:* Bà Nguyễn Thị Kim L phải nộp 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số 0000138 ngày 09-7-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử (23-6-2020); các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thu Hiền